

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P - Sinh năm 1980

Bị đơn: Anh Vũ Đức T - Sinh năm 1979

Cùng nơi cư trú: Thôn U', xã N, huyện X, Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 6; Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Vũ Đức T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Vũ Đức T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị P và anh T có 03 con chung là: Vũ Hương G, sinh ngày 10/9/2000; Vũ Thị Q, sinh ngày 29/7/2008; Vũ Đức M, sinh ngày 09/11/2015. Cháu Q trình bày nguyện vọng muốn ở cùng bố.

Anh chị thống nhất: Giao cháu Vũ Thị Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Vũ Đức M cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Vũ Hương G đã thành niên nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T và chị P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản và công nợ: Anh T và chị P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị P rút yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản.

- Về án phí: Chị P phải nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.887.700đ chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0009298 ngày 11/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho chị P số tiền chênh lệch là 2.737.700đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- VKSND h. X;
- UBND xã N (nơi ĐKKH);
- Cơ quan THADS h. X;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thanh Huyền**